TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tài
2. Ông Nguyễn Văn Miêng
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Sỉ – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1981. Địa chỉ: số I, ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/9/2025, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông Trần Minh T cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND phường P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/02/2008, trong thời gian sống chung có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Mai T1, sinh ngày 14/4/2009 và Trần Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/7/2013 hiện nay đang sống chung với bà N. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân khoảng 10 năm, đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà N yêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Nguyễn Mai T1, sinh ngày 14/4/2009 và Trần Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/7/2013 (theo nguyện vọng của con chung). Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Do bà N bận công việc làm ăn không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N:

Về hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông Trần Minh T. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Nguyễn Mai T1, sinh ngày 14/4/2009 và Trần Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/7/2013 (theo nguyện vọng của con chung). Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009455 ngày 13/11/2025 là đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh T, do bị đơn sinh sống tại xã A, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Minh T cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND phường P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/02/2008 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Trần Minh T. Bà N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: xét thấy Trần Nguyễn Mai T1, sinh ngày 14/4/2009 và Trần Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/7/2013 hiện nay đang sống chung ổn định với bà N; ông T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của bà N. Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 06/01/2026 thì Trần Nguyễn Mai T1 và Trần Nguyễn Thanh T2 cũng có nguyện vọng sống chung với bà N nên Hội đồng xét xử quyết định giao Trần Nguyễn Mai T1 và Trần Nguyễn Thanh T2 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường

vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N. Cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Trần Minh T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà N được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Nguyễn Mai T1, sinh ngày 14/4/2009 và Trần Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/7/2013. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009455 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí bà N đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc